

Số: /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản
nhóm IV làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đất Km108+00,
xóm Cốc Phát Pác Vầu, xã Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12
năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và
khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP
ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản,
khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một
số điều tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
2426/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 5 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản
nhóm IV làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của
Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Cao Bằng với các nội dung như sau:

- Loại khoáng sản: Đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất Km108+00, xóm Cốc Phát Pác Vầu, xã Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.
- Diện tích khoanh định: 4,0 ha.
- Vị trí, tọa độ chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.
- Mục đích sử dụng khoáng sản: Cung cấp vật liệu san lấp, đắp nền móng cho Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh

(tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) giai đoạn 2; đối với các công trình, dự án khác quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản chỉ được cung cấp vật liệu khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận, cho phép thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công khai khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Công khai khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên Trang thông tin điện tử của cơ quan.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan thực hiện tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định đối với khu vực nêu tại Điều 1 Quyết định này; quản lý hoạt động khoáng sản trong khu vực khoáng định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trà Lĩnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP; Trung tâm thông tin - Hội nghị (để đăng tải);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (bản chính);
- Lưu: VT, CN_(TH).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Thạch

Phụ lục
TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC KHÔNG ĐÁU GIÁ QUYỀN KHAI
THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV TẠI MỎ ĐẤT KM108+00,
XÓM CỐC PHÁT PÁC VÀU, XÃ TRÀ LĨNH, TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	2.513.797,91	561.495,00
2	2.513.748,66	561.542,00
3	2.513.697,30	561.628,45
4	2.513.760,48	561.654,28
5	2.513.797,60	561.673,29
6	2.513.870,36	561.703,55
7	2.513.895,72	561.669,28
8	2.513.935,16	561.635,42
9	2.513.987,77	561.604,61
10	2.514.045,84	561.607,54
11	2.514.044,33	561.604,18
12	2.514.055,04	561.599,16
13	2.514.056,18	561.601,57
14	2.514.061,84	561.596,03
15	2.514.019,49	561.557,04
16	2.513.985,25	561.525,89
17	2.513.952,17	561.494,30
18	2.513.920,91	561.518,39
19	2.513.883,68	561.547,08
20	2.513.859,98	561.532,86
21	2.513.831,13	561.515,16
Diện tích: 4,0 ha		

./.